

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**
Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 21-5-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.

2. Bà Lý Thị Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HS, ngày 19 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/HSST-QĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: HÀ VĂN T, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1978, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Hà Văn S, sinh năm 1927 (đã chết) và con bà Trần Thị H, sinh năm 1940.

Anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ sáu.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Con: 02 người con; con thứ nhất sinh năm 2001, con thứ hai sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. Họ và tên: HÀ QUANG C, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1974, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi tạm trú, nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Hà Văn S, sinh năm 1927 (đã chết) và con bà Trần Thị H, sinh năm 1940.

Anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ tư.

Vợ: Lê Thị N, sinh năm 1978 (đã ly hôn).

Con: 02 người con; con thứ nhất sinh năm 1998, con thứ hai sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

3. Họ và tên: **PHẠM TUẤN A**, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1979, tại Thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký HKTT: Số 31, tổ 2A, đường Trường Chinh, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Số 18A, ngách 358/40, Bùi Xương Trạch, cụm 9, tổ 23, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Phạm Công L, sinh năm 1952 (đã chết) và con bà Phạm Thị Ú, sinh năm 1954 (đã chết).

Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất.

Vợ: Doãn Thuý Q, sinh năm 1982 (đã chết).

Con: 02 người con; con thứ nhất sinh năm 2003, con thứ hai sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/5/2020, Công an thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại số 18A, ngách 358/40, Bùi Xương Trạch, cụm 9, tổ 23, phường K, quận T, thành phố Hà Nội - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Anh **Hoàng Văn D**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông **Đào Ngọc H**, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông **Ma Hùng V**, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh **Nguyễn Công T**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1947.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh **Hoàng Tiến H**, sinh năm 1969.

Nơi thường trú: Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi tạm trú: Xã Hồng Thái, huyện N, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

HÀ VĂN T, trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2021 có Hợp đồng đăng ký làm đại lý bán vé xổ số cho Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Tuyên Quang. Quá trình bán vé số thấy có nhiều người hỏi mua số lô, số đề nên T nảy sinh ý định bán số lô, đề trái phép để kiếm lợi nhuận cao hơn. Tháng 7/2023, T liên hệ với PHẠM TUẤN A (đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 31, tổ 2A, đường Trường Chinh, phường N, quận Đ, TP Hà Nội), tạm trú tại số 18A, ngách 358/40 Bùi Xương Trạch, phường K, quận T, TP Hà Nội (là bạn quen nhau qua mạng xã hội) thì Tuấn A đặt vấn đề bảo T bán số lô, số đề cho khách rồi chuyển bảng đề cho Tuấn A để hưởng chênh lệch tiền mua số lô, số đề của khách, T đồng ý. Tuấn A và T thỏa thuận đối với số đề thì Tuấn A thu 74% tổng số tiền bán được; đối với số lô điểm thì Tuấn A thu 21.900 đồng/01 điểm lô, còn T bán cho người chơi dao động từ 22.000 đồng - 23.000 đồng/01 điểm lô; đối với số lô xiên Tuấn A thu 67% tổng số tiền bán được. Tỷ lệ trả thưởng nếu trúng số lô, số đề là: Đối với số đề hai số, mua 1.000 đồng trúng thưởng được 70.000 đồng; số đề ba số, mua 1.000 đồng trúng thưởng được 350.000 đồng; số lô xiên 2, mua 1.000 đồng trúng thưởng được 10.000 đồng; số lô xiên 3, mua 1.000 đồng mua số trúng thưởng được 40.000 đồng; số lô xiên 4, mua 1.000 đồng trúng thưởng được 100.000 đồng; số lô điểm, trúng thưởng được 80.000 đồng/1 điểm. Hàng ngày, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A2, lắp 01 sim Vinaphone số thuê bao 0848698956 và 01 sim Viettel số thuê bao 0366834265 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề của người chơi rồi chuyển bảng đề qua tin nhắn điện thoại đến số thuê bao 0384027157 của PHẠM TUẤN A trước 18 giờ 10 cùng ngày. Sau khi có kết quả xổ số của ngày hôm đó thì Tuấn A sẽ tổng hợp, tính tiền thắng thua để thanh toán với T. Nếu bảng đề của T có số trúng thưởng với số tiền lớn hơn tiền chuyển bảng đề thì Tuấn A sử dụng số tài khoản 19034156842012 của Tuấn A, đăng ký tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chuyển tiền đến số tài khoản 104002684695 của T đăng ký tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) để T trả cho người chơi. Nếu bảng đề không có số trúng thưởng hoặc tiền trúng thưởng ít hơn tiền chuyển bảng đề thì T phải chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng trả tiền cho PHẠM TUẤN A.

Quá trình T mua, bán số lô, số đề thì HÀ QUANG C (anh trai ruột của T) có đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tạm trú tại tổ dân phố 01, phường A, thành phố T biết. Đến tháng 9/2023, C đặt vấn đề với T cho tham gia bán số lô, số đề cho khách rồi chuyển bảng đề cho T để hưởng lợi thì T đồng ý. C và T thỏa thuận đối với số đề và lô xiên mà C chuyển thì T thu 75% số tiền bán cho người

chơi; đối với lô điểm thì Thịnh thu 22.000 đồng/01 điểm lô, còn C bán cho người chơi giá 23.000 đồng/01 điểm lô; tiền bảng đề sẽ thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt vào ngày hôm sau. Hàng ngày, C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số thuê bao 0347163497 nhận tin nhắn mua số lô, số đề của người chơi rồi chuyển bảng đề qua tin nhắn điện thoại cho T.

Trong các ngày 15/10/2023 và 16/10/2023, PHẠM TUẤN A, HÀ VĂN T và HÀ QUANG C có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề trái phép cụ thể như sau:

* Ngày 15/10/2023, HÀ VĂN T bán cho Vũ Văn T, trú tại tổ dân phố 7, phường T, thành phố T lô xiên 3 các số 45-54-99, 45-89-99, 54-89-99 mỗi xiên 5.000đ, tổng là 15.000 đồng; lô điểm các số 45, 54, 99 mỗi số 5 điểm, tổng là 15 điểm x 23.000đ/điểm = 345.000 đồng; số đề các số 00, 99, 34, 43, 07, 70, 69, 96 mỗi số 5.000 đồng, tổng là 40.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho T là 400.000 đồng. Đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì T trúng thưởng số lô điểm 45 (2 lần), 54, 99 tổng 20 điểm được 1.600.000 đồng; Trúng thưởng lô xiên 3: 45-54-99 được 200.000 đồng. Tổng số tiền T trúng số lô, số đề là 1.800.000 đồng (T chưa thanh toán tiền cho T). Bán cho Nguyễn Ngọc T, trú tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố T: Lô xiên các số 51-81 = 300.000 đồng; Lô điểm các số 93 x 30 điểm x 22.500đ/điểm = 675.000 đồng; Lô điểm 46; 49 mỗi số 10 điểm, tổng là 20 điểm x 22.500đ/điểm = 450.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho T là 1.425.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày, T trúng 30 điểm số lô 93 được 2.400.000 đồng (T chưa thanh toán tiền cho T).

Các số lô, số đề T bán cho T và T thì T giữ lại, không chuyển cho PHẠM TUẤN A.

Ngày 15/10/2023, HÀ QUANG C bán số lô, số đề cho Hoàng Tiến H, trú tại khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ: lô điểm 45, 54, 27, 72, 35, 53, 49, 94, 59, 95 mỗi số 2 điểm, tổng 20 điểm x 23.000 đồng/điểm = 460.000 đồng; Số đề 59, 95 mỗi số 12.000 đồng, tổng 24.000 đồng; Đề 3 số 759, 795 mỗi số 10.000 đồng, tổng 20.000 đồng, Tổng số tiền bán số lô, số đề cho H là 504.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày, H trúng các số lô điểm 45 (2 lần), 53, 94 tổng là 8 điểm 640.000 đồng (C chưa thanh toán tiền cho H).

Các số lô, số đề mà C bán cho H thì C giữ lại, không chuyển cho T.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của HÀ VĂN T là 6.025.000 đồng (Sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng); tổng số tiền đánh bạc của HÀ QUANG C là 1.144.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

* Ngày 16/10/2023, HÀ QUANG C bán số lô, số đề cho Đào Ngọc H, trú tại tổ dân phố 4, phường A, thành phố T: số đề các số 79 x 5.000 đồng; 01, 84, 02, 07, 06 mỗi số 4.000 đồng; 78 x 20.000 đồng; 77 x 3.000 đồng; 17, 79 mỗi số 3.000 đồng, tổng 54.000 đồng. Kép bảng gồm các số 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 mỗi số 5.000 đồng, tổng là 50.000 đồng. Tổng số tiền bán số đề cho H là 104.000 đồng. Bán cho Hoàng Tiến H, trú tại khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ: Lô điểm 13, 31, 59, 95, 01, 10, 47, 74, 58, 85, 34, 43, 45, 54 mỗi số 2 điểm tổng 28 điểm x 23.000 đồng/điểm = 644.000 đồng; Số đề 59, 95 mỗi số 36.000 đồng, tổng 72.000 đồng. Tổng số tiền bán số lô, số đề trái phép cho H là 716.000 đồng.

Sau khi bán số lô, số đề cho người chơi, C giữ lại các số đề: 79 x 5.000 đồng; 01, 02, 07, 06 mỗi số 4.000 đồng; 17, 79 mỗi số 3.000 đồng; tổng số tiền C giữ lại là 27.000 đồng, các số còn lại C chuyển bảng cho T. Ngoài ra C còn tự mua các số lô với tổng số tiền 5.257.000 đồng.

Tổng tiền bảng đề C chuyển cho T là 6.050.000 đồng.

Đôi chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì C trúng thưởng 5.000 đồng số đề 40 được 350.000 đồng; số lô 13 trúng 8 điểm, số lô 96 trúng 4 điểm, các số lô 13, 31, 59, 47, 74, 85 mỗi số trúng 02 điểm, tổng 24 điểm được 1.920.000 đồng. Tổng số tiền C trúng thưởng là 2.270.000 đồng.

Cùng ngày, HÀ VĂN T nhận bảng đề của C chuyển như trên với tổng số tiền 6.050.000 đồng và trực tiếp bán số lô, số đề cho người chơi như sau: Bán cho Vũ Văn T, trú tại tổ dân phố 7, phường T, thành phố T tổng số tiền 455.000 đồng. Bán cho Nguyễn Công T, trú tại tổ dân phố 3, phường T, thành phố T tổng số tiền 3.641.000 đồng. Bán cho Nguyễn Ngọc T, trú tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố T tổng số tiền 1.650.000 đồng. Bán cho Hoàng Văn D, trú tại tổ dân phố 14, phường P, thành phố T tổng số tiền 1.130.000 đồng. Bán cho Ma Hùng V, trú tại tổ dân phố 17, phường P, thành phố T tổng số tiền 300.000 đồng.

Đối với các số lô, số đề trái phép nhận của C và bán cho người chơi, T giữ lại một phần các số lô, số đề (không chuyển bảng cho Tuấn A) với tổng tiền là 9.774.000 đồng. Trong đó, có các số lô, số đề người chơi trúng thưởng: Hoàng Văn D 10 điểm số lô 29 trúng 3 lần được 2.400.000 đồng; Ma Hùng V 05 điểm số lô 65, được 400.000 đồng, 05 điểm số lô 74 được 400.000 đồng; Vũ Văn T 03 điểm lô 74, được 240.000 đồng.

Sau khi giữ lại các số lô, số đề trái phép trên, T thêm các số lô, số đề trái phép mà mình tự mua 13.692.000 đồng rồi chuyển bảng đề cho PHẠM TUẤN A (tổng số tiền đề là 2.427.200 đồng; tổng số tiền lô xiên là 4.006.600 đồng; số tiền lô điểm là 7.884.000 đồng) tổng số tiền 14.317.800 đồng.

Đôi chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì bảng đề của T chuyển cho Tuấn A trúng thưởng số đề 40 x 20.000 đồng được 1.400.000 đồng; số lô 50 trúng 20 điểm; số lô 22 trúng 10 điểm; số lô 00 trúng 10 điểm, tổng trúng thưởng 40 điểm được 3.200.000 đồng (những số này do HÀ VĂN T tự mua trúng).

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là:

- HÀ VĂN T đánh bạc ngày 15/10/2023, với tổng số tiền là 6.025.000 đồng (gồm tiền bán số lô, số đề cho người chơi Vũ Văn T, Nguyễn Ngọc T 1.825.000 đồng, tiền Thiện, T trúng thưởng số lô, số đề được 4.200.000 đồng).

- HÀ QUANG C đánh bạc ngày 16/10/2023 với tổng số tiền 8.347.000 đồng (gồm: tiền bán số đề cho người chơi 820.000 đồng, C tự mua 5.257.000 đồng, tiền C trúng thưởng 2.270.000 đồng).

- HÀ VĂN T đánh bạc ngày 16/10/2023 với tổng số tiền 34.958.000 đồng (gồm: tiền C chuyển bảng đề 6.050.000 đồng, tiền T bán số đề cho người chơi 7.176.000 đồng, tiền T tự mua 13.692.000 đồng, tiền T trúng thưởng 4.600.000 đồng; tiền Dầu, Vỹ, T trúng thưởng 3.440.000 đồng).

- PHẠM TUẤN A đánh bạc ngày 16/10/2023 với tổng số tiền 18.917.800 đồng (gồm: tiền bảng đề T chuyển cho 14.317.800 đồng, tiền trúng thưởng các số lô, số đề 4.600.000 đồng).

Vật chứng: Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang thu giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi A2, vỏ màu đen, bên trong lắp 01 sim “4G Viettel”, 01 sim Vinaphone của HÀ VĂN T; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230, vỏ màu đen, bên trong lắp 01 sim của HÀ QUANG C; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 sim “4G mobifone” của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu xám bạc, bên trong lắp 01 sim “4G Viettel” của Vũ Văn T (các điện thoại đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định).

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.325.000 đồng (Mười triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) gồm của: Ma Hùng V 300.000 đồng, Nguyễn Công T 3.641.000 đồng, Hoàng Văn D 1.130.000 đồng, Đào Ngọc H 104.000 đồng, Nguyễn Ngọc T 3.075.000 đồng, Hoàng Tiến H 1.220.000 đồng, Hoàng Văn T 855.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển vào tài khoản của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố T và sau đó đã Ủy nhiệm chi vào tài khoản 3949.0.1064848.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, mở tại kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 17/04/2024, để chờ xử lý theo pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, HÀ VĂN T, HÀ QUANG C, PHẠM TUẤN A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của HÀ VĂN T, HÀ QUANG C, PHẠM TUẤN A còn được chứng minh bằng: Biên bản kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, bản tự khai của các bị can, biên bản ghi lời khai, bản tự khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản xác minh, biên bản làm việc cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số: 34/CT-VKSTP, ngày 16 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố HÀ VĂN T, HÀ QUANG C, PHẠM TUẤN A về tội *Đánh bạc*, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo HÀ VĂN T, HÀ QUANG C, PHẠM TUẤN A tiếp tục khai nhận về hành vi trong các ngày 15/10/2023 và 16/10/2023 tại địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, HÀ VĂN T, HÀ QUANG C và PHẠM TUẤN A đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề trái phép, cụ thể:

- Ngày 15/10/2023, HÀ VĂN T bán số lô, số đề trái phép cho: Vũ Văn T trú tại tổ dân phố 7, phường T, thành phố T với số tiền 400.000 đồng, T trúng số lô, số đề được 1.800.000 đồng; Nguyễn Ngọc T, trú tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố T với số tiền 1.425.000đ, T trúng số lô, số đề được 2.400.000 đồng. Như vậy tổng số tiền T đánh bạc là 6.025.000 đồng.

- Ngày 16/10/2023, HÀ QUANG C bán số lô, số đề trái phép cho Đào Ngọc H trú tại tổ dân phố 4, phường A, thành phố T với số tiền 104.000 đồng; Hoàng Tiến H, trú tại khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ với số tiền là 716.000 đồng. Ngoài ra C còn tự mua số lô, số đề với số tiền 5.257.000 đồng (sau đó C chuyển bảng đề cho T với tổng số tiền 6.050.000 đồng); C trúng số lô, số đề được 2.270.000đồng. Như vậy tổng số tiền C đánh bạc là 8.347.000 đồng.

HÀ VĂN T bán số lô, số đề trái phép cho Vũ Văn T, trú tại tổ dân phố 7, phường T, thành phố T tổng số tiền 455.000 đồng, T trúng số lô, số đề được 240.000 đồng; bán số lô, số đề trái phép cho Nguyễn Công T, trú tại tổ dân phố 3, phường T, thành phố T tổng số tiền 3.641.000 đồng; bán số lô, số đề trái phép cho Nguyễn Ngọc T, trú tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố T tổng số tiền 1.650.000đ; bán số lô, số đề trái phép cho Hoàng Văn D, trú tại tổ dân phố 14, phường P, thành phố T tổng số tiền 1.130.000 đồng, D trúng số lô, số đề được 2.400.000 đồng; bán số lô, số đề trái phép cho Ma Hùng V, trú tại tổ dân phố 17, phường P, thành phố T tổng số tiền 300.000đ, V trúng số lô, số đề 800.000 đồng; số lô, số đề do T tự mua với số tiền 13.692.000 đồng, T trúng số lô, số đề là 4.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền T đánh bạc là 34.958.000 đồng.

PHẠM TUẤN A bán số lô, số đề trái phép cho T tổng số tiền 18.917.800 đồng (gồm tiền bản đề T chuyển 14.317.800 đồng, tiền trúng thưởng các số lô, số đề 4.600.000 đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T và anh Nguyễn Ngọc T trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Ngày 15/10/2023, tôi (T) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ VĂN T trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T với tổng số tiền 400.000 đồng, tôi (T) trúng số lô, số đề được 1.800.000 đồng. Tôi (T) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ VĂN T với số tiền 1.425.000 đồng, tôi (T) trúng số lô, số đề được 2.400.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Ngọc H và anh Hoàng Tiến H trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Ngày 16/10/2023, tôi (H) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ QUANG C trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T với số tiền 104.000 đồng. Tôi (H) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ QUANG C với số tiền là 716.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn T, anh Nguyễn Công T, anh Nguyễn Ngọc T, anh Hoàng Văn D, ông Ma Hùng V trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Ngày 16/10/2023, tôi (T) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ VĂN T trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T với tổng số tiền 455.000 đồng, tôi (T) trúng số lô, số đề được 240.000 đồng. Tôi (Thu) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ VĂN T với tổng số tiền là 3.641.000 đồng. Tôi (T) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ VĂN T với tổng số tiền là 1.650.000 đồng. Tôi (D) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ VĂN T với tổng số tiền là 1.130.000 đồng, tôi trúng số lô, số đề được 2.400.000 đồng. Tôi (V) có mua số lô, số đề trái phép của HÀ VĂN T với tổng số tiền là 300.000 đồng, tôi trúng số lô, số đề 800.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C, bị cáo PHẠM TUẤN A và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A phạm tội *Đánh bạc*.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo HÀ VĂN T.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo HÀ QUANG C.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 58; 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo PHẠM TUẤN A.

- Xử phạt:

+ Bị cáo HÀ VĂN T từ 09 (Chín) tháng tù đến 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo HÀ VĂN T cho Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo PHẠM TUẤN A từ 09 (Chín) tháng tù đến 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo PHẠM TUẤN A cho Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo HÀ QUANG C từ 07 (Bảy) tháng tù đến 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng đến 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo HÀ QUANG C cho Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Do các bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với cả 03 bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi A2, vỏ màu đen, bên trong lắp 01 sim “4G Viettel”, 01 sim Vinaphone của HÀ VĂN T; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230, vỏ màu đen, bên trong lắp 01 sim của HÀ QUANG C; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 sim “4G mobifone” của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu xám bạc, bên trong lắp 01 sim “4G Viettel” của Vũ Văn T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.325.000 đồng (Mười triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) gồm của: Ma Hùng V 300.000 đồng, Nguyễn Công T 3.641.000 đồng, Hoàng Văn D 1.130.000 đồng, Đào Ngọc H 104.000 đồng, Nguyễn Ngọc T 3.075.000 đồng, Hoàng Tiến H 1.220.000 đồng, Hoàng Văn T 855.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển vào tài khoản của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố T và sau đó đã Ủy nhiệm chi vào tài khoản 3949.0.1064848.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, mở tại kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 17/04/2024, để chờ xử lý theo pháp luật

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo Phạm Tuấn A phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo HÀ VĂN T là người khuyết tật và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A không có ý kiến tranh luận gì với nội dung luận tội của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; của bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan C sát điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 15/10/2023 và 16/10/2023 tại địa bàn thành phố T, HÀ VĂN T trú tại tổ 10, phường T, thành phố T, HÀ QUANG C trú tại tổ 01, phường A, thành phố T và PHẠM TUẤN A trú tại số 18A, ngách 358/40 Bùi Xương Trạch, phường K, quận T, thành phố Hà Nội đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề trái phép, cụ thể:

- Ngày 15/10/2023, HÀ VĂN T bán số lô, số đề trái phép cho: Vũ Văn T trú tại tổ dân phố 7, phường T, thành phố T với số tiền 400.000 đồng, T trúng số lô, số đề được 1.800.000 đồng; Nguyễn Ngọc T, trú tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố T với số tiền 1.425.000đ, T trúng số lô, số đề được 2.400.000 đồng. Như vậy tổng số tiền T đánh bạc là 6.025.000 đồng.

- Ngày 16/10/2023, HÀ QUANG C bán số lô, số đề trái phép cho Đào Ngọc H trú tại tổ dân phố 4, phường A, thành phố T với số tiền 104.000 đồng; Hoàng Tiến H, trú tại khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ với số tiền là 716.000 đồng. Ngoài ra C còn tự mua số lô, số đề với số tiền 5.257.000 đồng (sau đó C chuyển bảng đề cho T với tổng số tiền 6.050.000 đồng); C trúng số lô, số đề được 2.270.000đồng. Như vậy tổng số tiền C đánh bạc là 8.347.000 đồng.

HÀ VĂN T bán số lô, số đề trái phép cho Vũ Văn T, trú tại tổ dân phố 7, phường T, thành phố T tổng số tiền 455.000 đồng, T trúng số lô, số đề được 240.000 đồng; bán số lô, số đề trái phép cho Nguyễn Công T, trú tại tổ dân phố 3, phường T, thành phố T tổng số tiền 3.641.000 đồng; bán số lô, số đề trái phép cho Nguyễn Ngọc T, trú tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố T tổng số tiền 1.650.000đ; bán số lô, số đề trái phép

cho Hoàng Văn D, trú tại tổ dân phố 14, phường P, thành phố T tổng số tiền 1.130.000 đồng, D trúng số lô, số đề được 2.400.000 đồng; bán số lô, số đề trái phép cho Ma Hùng V, trú tại tổ dân phố 17, phường P, thành phố T tổng số tiền 300.000đ, Vỹ trúng số lô, số đề 800.000 đồng; số lô, số đề do T tự mua với số tiền 13.692.000 đồng, T trúng số lô, số đề là 4.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền T đánh bạc là 34.958.000 đồng.

PHẠM TUẤN A bán số lô, số đề trái phép cho T tổng số tiền 18.917.800 đồng (gồm tiền bằng đề T chuyển 14.317.800 đồng, tiền trúng thưởng các số lô, số đề 4.600.000 đồng).

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố HÀ VĂN T, HÀ QUANG C và PHẠM TUẤN A về tội *Đánh bạc*, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A nhận thức được hành vi mua, bán số lô, số đề trái phép nhằm mục đích được thua bằng tiền là sai trái, vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường ít nghiêm trọng do lỗi cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Do vậy, cần thiết xử phạt các bị cáo nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo, để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phục vụ công tác phòng chống tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo HÀ VĂN T có 01 tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo PHẠM TUẤN A, HÀ QUANG C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo PHẠM TUẤN A, HÀ QUANG C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo HÀ VĂN T khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A, nên đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo T.

Ngoài ra bị cáo HÀ VĂN T là người bị khuyết tật nhẹ; bố, mẹ đẻ của bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C là ông Hà Văn S và bà Trần Thị H được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến; Huân chương chiến thắng; Huân chương chiến sĩ vẻ vang, nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo T và bị cáo Cảnh.

[6] Về vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Bị cáo HÀ VĂN T phạm tội 02 lần; bị cáo PHẠM TUẤN A, bị cáo HÀ QUANG C có nhân thân tốt, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ và nhân thân của mình về hành vi phạm tội đã gây ra, do vậy xử phạt bị cáo HÀ VĂN T mức án cao nhất sau đó là bị

cáo PHẠM TUẤN A, bị cáo HÀ QUANG C.

[7] Về mức án: Xét thấy bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C, bị cáo PHẠM TUẤN A không có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C, bị cáo PHẠM TUẤN A được cải tạo dưới sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Do vậy, xử phạt các bị cáo mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ theo Điều 65 của Bộ luật hình sự quy định và phù hợp với nội dung, tính chất vụ án.

[8] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra Cơ quan C sát điều tra đã thu giữ của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền, điện thoại di động. Xét thấy toàn bộ tài sản thu giữ này là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã dùng vào việc đánh bạc trái phép (ghi số lô, số đề), nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Đối với hành vi của HÀ QUANG C bán số lô, số đề cho Hoàng Tiến H ngày 15/10/2023 và hành vi mua số lô, số đề trái phép của các đối tượng Vũ Văn T, Nguyễn Công T, Nguyễn Ngọc T, Hoàng Văn D, Ma Hùng V, Đào Ngọc H, Hoàng Tiến H vào các ngày 15/10/2023 và 16/10/2023. Ngày 02/02/2024, Công an thành phố T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 3.500.000 đồng đối với HÀ QUANG C; phạt tiền 425.000 đồng đối với Vũ Văn T, Nguyễn Ngọc T, Hoàng Tiến H; phạt tiền 350.000 đồng đối với Nguyễn Công T, Hoàng Văn D, Ma Hùng V, Đào Ngọc H là có căn cứ pháp luật.

[10] Quá trình điều tra, các bị cáo HÀ VĂN T, HÀ QUANG C và PHẠM TUẤN A khai báo ngoài việc mua, bán số lô, số đề vào ngày 15/10/2023 và 16/10/2023 thì các bị cáo còn mua, bán số lô, số đề nhiều lần trước đó, tuy nhiên các bị cáo không nhớ cụ thể các số lô, số đề đã mua, bán trái phép. Ngoài lời khai của các bị cáo ra thì không có tài liệu gì khác chứng minh hành vi phạm. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ pháp lý.

[11] Về án phí: Bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo HÀ VĂN T là người khuyết tật và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo HÀ VĂN T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo HÀ QUANG C.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 58; 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo PHẠM TUẤN A.

1. Tuyên bố: Bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A phạm tội *Đánh bạc*.

2. Xử phạt:

- Bị cáo HÀ VĂN T 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Giao bị cáo HÀ VĂN T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Bị cáo PHẠM TUẤN A 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Giao bị cáo PHẠM TUẤN A cho Ủy ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Bị cáo HÀ QUANG C 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Giao bị cáo HÀ QUANG C cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

“Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo theo quy định tại Điều 68; 92 của Luật thi hành án hình sự”.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi A2, vỏ màu đen, số IMEI: 860386060626282; 860386060626290, bên trong lắp 01 sim “4G Viettel” có dãy số 8984048000905052274; 01 sim Vinaphone có dãy số 89840200011403132218, điện thoại cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì kín và có chữ ký của các thành phần tham gia;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230, vỏ màu đen, số IMEI 1: 357303084938247; IMEI 2: 357303085138243, bên trong lắp sim có dãy số: 8984048000331804635; điện thoại cũ đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kín và có chữ ký của các thành phần tham gia;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng, số IMEI 3565599103565730; 356559103657321, bên trong lắp 01 sim “4G mobifone” có dãy số 8401180824279419WD, điện thoại cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì kín và có chữ ký của các thành phần tham gia;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu xám bạc, số máy MGAH2TH/A; Số sê-ri FK2NTH0YG5QV, bên trong lắp 01 sim “4G Viettel” có dãy số 8984048000031527898, điện thoại cũ đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kín và có chữ ký của các thành phần tham gia.

Tình trạng vật chứng và tài sản trên như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang lập ngày 21/3/2024.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.325.000 đồng (Mười triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) gồm của: Ma Hùng V 300.000 đồng, Nguyễn Công T 3.641.000 đồng, Hoàng Văn D 1.130.000 đồng, Đào Ngọc H 104.000 đồng, Nguyễn Ngọc T 3.075.000 đồng, Hoàng Tiến H 1.220.000 đồng, Hoàng Văn T 855.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển vào tài khoản của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố T và sau đó đã Ủy nhiệm chi vào tài khoản 3949.0.1064848.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, mở tại kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 17/04/2024.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo HÀ VĂN T.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo HÀ VĂN T, bị cáo HÀ QUANG C và bị cáo PHẠM TUẤN A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn D, ông Đào Ngọc H, ông Ma Hùng V, anh Nguyễn Công T, ông Vũ Văn T, anh Hoàng Tiến H và anh Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- UBND phường K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

